

Số: 09/2019/QĐST-DS

Bắc Giang, ngày 03 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13, khoản 7 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 85/2019/TLST-DS, ngày 03/6/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Bà Mạnh Thị L, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn B, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

+ **Bị đơn:** 1. Bà Phan Thị T, sinh năm 1968.

2. Ông Giáp Văn D, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Số nhà 23, ngõ 6A, đường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Ông Giáp Văn D ủy quyền cho bà Phan Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số nhà 23, ngõ 6A, đường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Mạnh Thị L và bà Phan Thị T, ông Giáp Văn D thống nhất vợ chồng bà T, ông D còn nợ bà L tổng số tiền 2.299.000.000đ (Hai tỷ hai trăm chín mươi chín triệu đồng), trong đó tiền gốc là 1.900.000.000đ (Một tỷ, chín trăm triệu đồng) và tiền lãi là 399.000.000đ (Ba trăm, chín mươi chín triệu đồng). Bà L nhất trí miễn cho vợ chồng

bà T, ông D số tiền lãi là 399.000.000đ (Ba trăm, chín mươi chín triệu đồng) và tiền gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Bà Mạnh Thị L và bà Phan Thị T, ông Giáp Văn D thỏa thuận bà T, ông D phải trả cho bà L số tiền gốc 1.700.000.000đ (Một tỷ, bảy trăm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 10/7/2019.

2.2. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

2.3. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Do bà Mạnh Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị T, ông Giáp Văn D do có khó khăn về kinh tế được chính quyền địa phương xác nhận nên miễn cho bà T và ông D 50% án phí phải nộp. Ông T, bà D phải chịu 7.875.000đ (Bảy triệu, tám trăm, bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Hải Hương